|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **THANH HÓA** | **ĐỀ THI THỬ VÀO LỚP 10 THPT LẦN 2**  **NĂM HỌC 2017 - 2018**  **Môn thi: TIẾNG ANH**  *Thời gian: 60 phút, không kể thời gian giao đề* |

**PHẦN A: NGỮ ÂM (1.0 điểm)**

**I. Chọn từ có phần gạch chân được phát âm khác so với các từ còn lại**

1. A. passed                    B. watched                          C. wanted                      D. washed

2. A. athough                B. thanks                            C. through                     D. thought

**II. Chọn từ có trọng âm chính rơi vào vị trí khác so với các từ còn lại**

1. A. become                B. provide                C. advise                      D. happen

2. A. relax                        B. begin                         C. mistake                       D. answer

**PHẦN B: NGỮ PHÁP VÀ TỪ VỰNG (4.0 điểm)**

**I. Chia động từ trong ngoặc cho phù hợp để hoàn thành các câu sau.**

1. I\_\_\_\_\_\_\_\_\_(go) to school by bicycle every day.

2. When my mother came home from work, I\_\_\_\_\_\_\_\_\_(cook) dinner.

3. My father asked us (not spend)\_\_\_\_\_\_\_\_\_too much time playing computer games.

4. If Mr. John (be)\_\_\_\_\_\_\_\_\_rich, he would travel around the world.

5. He (live) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_in Australia since 2000.

6. Ba enjoys (play)\_\_\_\_\_\_\_\_\_ football in the morning.

7. My house (build) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ in 1999.

8. If the weather (get)\_\_\_\_\_\_\_\_worse, we won't go to the beach.

**II. Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu sau.**

1. I am a student. \_\_\_\_\_\_\_\_\_ school is in the town. (Our/ My)

2. He has been an engineer \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ 10 years. (since/ for)

3. She was sick yesterday, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_she was absent from school. (so/ but)

4. The accident happened because he drove\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (carelessly/ carefully)

5. The book\_\_\_\_\_\_\_\_\_is on the table belongs to my brother. (Which/ whose)

6. My sister is very fond\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_eating chocolate candy. (of/ about)

7. He laughed\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_when he was watching "Tom and Jerry" on TV. (happily/ happiness)

8. Air\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_is one of the problems that people have deal to with. (pollution/ polluted)

**PHẦN C. ĐỌC HIỂU (2.5 điểm)**

**I. Đọc và chọn một từ thích hợp đã cho trong khung điền vào mỗi chổ trống để hoàn thành đoạn văn sau.**

**clean               live            lots            are          for          beautiful**

Singapore is an island city of about three million people. It's a beautiful city with lots of parks and open spaces. It's also a very (1)\_\_\_\_\_\_ city.

Most of the people (2)\_\_\_\_\_\_ in high-rise flats in different parts of the island. The business district is very modern with (3)\_\_\_\_\_\_ of high new office buildings. Singapore also has some nice older sections. In Chinatown, there (4)\_\_\_\_\_\_ rows of old shop houses. The government buildings in Singapore are very (5) \_\_\_\_\_\_ and date from the colonial days.

Singapore is famous (6)\_\_\_\_\_\_ its shops and restaurants. There are many good shopping centers. Most of the goods are duty free. Singapore's restaurants sell Chinese, Indian, Malay and European food, and the prices are quite reasonable.

**II. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.**

Alexander Fleming was born in 1881 in Scotland. He went to a small school in a village, and when he left school he didn't go to university. He worked for five years in an office. But his brother, Tom, was a doctor and helped Fleming to go to university and study medicine. So he went to London University and in 1906 he became a doctor. In 1915, Fleming married Sarah McElroy, an Irish woman. They had one son. During the First World War, many soldiers died in hospital because they didn't have the right medicines. So after the war, Fleming tried to find a drug that could help them. He worked for many years and in 1928 he discovered a new drug and he called it "penicillin". He later worked with an Australian and a German scientist to develop a drug that doctors could use. In 1945, they won the Nobel Prize in medicine for their work on penicillin.

1. Where was Alexander Fleming born?............................................................................

2. Did he work in an office before he went to university?.................................................

3. What did he study at university?....................................................................................

4. When did he win the Nobel Prize in medicine?.............................................................

**PHẦN D. VIẾT (2.5 điểm)**

**II. Viết lại các câu sau bắt đầu bằng từ gợi ý sao cho nghĩa của câu không thay đổi.**

1. They have just sold that old house.

- That old house\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

2. In spite of the bad weather, they had a wonderful holiday.

- Although\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

3. They will build a new mall here.

- A new mall\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

4. Unless he takes these pills, he won't be better.

- If\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

5. Despite working hard, he can't support his large family.

- Although\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

**III. Sắp xếp các từ, cụm từ thành câu hoàn chỉnh.**

1. This table/ longer/ is/ than/ that one./

-......................................................................................................

2. Unless/ he/ works/ harder/,/ he/will/ lose/job./ his/

-......................................................................................................

3. hospitals/ During/ First/ War,/ the/ soldiers/ many/ because/ died/ have/ medicines./ in/ didn't/ they/ the/ right/ World/

-.....................................................................................................

**THE END**

**Đáp án đề thi thử vào lớp 10 môn Anh tỉnh Thanh Hóa năm 2018**

**PHẦN A: NGỮ ÂM**

I. Chọn từ có phần gạch chân được phát âm khác so với các từ còn lại

1. C      2. A

II. Chọn từ có trọng âm chính rơi vào vị trí khác so với các từ còn lại

1. D      2. D

**PHẦN B: NGỮ PHÁP VÀ TỪ VỰNG**

I. Chia động từ trong ngoặc cho phù hợp để hoàn thành các câu sau.

1. go

2. was cooking

3. not to spend

4. were

5. has lived

6. playing

7. was built

8. gets

II. Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu sau.

1. My

2. for

3. so

4. carelessly

5. which

6. of

7. happily

8. pollution

**PHẦN C. ĐỌC - HIỂU**

I. Đọc và chọn một từ thích hợp đã cho trong khung điền vào mỗi chổ trống để hoàn thành đoạn văn sau.

1. clean

2. live

3. lots

4. are

5. beautiful

6. for

II. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

1. - He was born in Scotland

2. - Yes, he did.

3. - He studied medicine

4. - He won the Nobel Prize in medicine in 1945.

**PHẦN D. VIẾT**

I. Chọn từ hoặc cụm từ gạch chân (A, B, C hoặc D) được sử dụng chưa đúng.

1. B have=>having

2. D doesn't => don't

II. Viết lại các câu sau bắt đầu bằng từ gợi ý sao cho nghĩa của câu không thay đổi.

1. - That old house has just been sold (by them).

2. - Although the weather was bad, they had a wonderful holiday.

3. - A new mall will be built here (by them).

4. - If he does not take these pills, he won't be better.

5. - Although he works hard, he can't support his large family

III. Sắp xếp các từ, cụm từ thành câu hoàn chỉnh.

1. -This table is longer than that one.

2. Unless he works harder, he'll lose his job.

3. During the First World War, many soldiers died in hospital because they didn't have the right medicines